TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày: 24-02-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải.

2. Ông Nguyễn Phú Hữu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vũ Hải – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa:*** Ông Ngô Quốc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 07/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thanh T, sinh năm 1984, tại Đồng Tháp; Nơi thường trú: Tổ A, khóm B, Phường C, thành phố D, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ở hiện nay: Tổ A1, khóm B1, phường C1, thành phố D, tỉnh Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Giới tính: Nữ; Con ông Trần Quang T (chết) và bà Tạ Thị T (chết); Có chồng tên Trần Quang V, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền sự: Không, Tiền án: 02,

- Ngày 14/12/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 97/2016/HSST, chấp hành xong ngày 02/11/2017.

- Ngày 12/7/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 26/2018/HSST, chấp hành xong ngày 28/12/2019 (do Bản án này Thúy trộm cắp tài sản 04 lần nhưng không có lần nào giá trị tài sản đến 2.000.000 đồng nên không áp dụng là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm).

Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1982 (vắng mặt).

2. Đoàn Hồng P, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Số A, tổ B, khóm C, Phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

3. Huỳnh Thị Thu B, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Cư trú: Tổ A, khóm B, thị trấn C, huyện D, tỉnh Đồng Tháp. Nơi ở hiện nay: Số A1, tổ B1, khóm C1, phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Vũ Hồng N, sinh năm 1985 (vắng mặt). Cư trú: Số A2, tổ B2, khóm C2, phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

- Người làm chứng:

1. Dương Hoàng M, sinh năm 1950 (có mặt).
Cư trú: Số A, tổ B, khóm C, phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Văn L, sinh năm 1963 (có mặt).
Cư trú: Số A, tổ B, khóm C, phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 13/7/2021, Trần Thanh T có ý định đi tìm tài sản của người khác để sơ hở lấy trộm nên hỏi mượn xe mô tô biển số 66P1-490.42 của ông Dương Hoàng M, nói là đi chợ, ông M tin tưởng nên giao xe cho T. T điều khiển xe đi vòng quanh các tuyến đường trên địa bàn thành phố Cao Lãnh. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, T đến tiệm tạp hóa PB, tại tổ A, khóm B, phường C, thành phố D. T vào tiệm, gặp anh Đoàn Hồng P là chủ tiệm, giả vờ hỏi mua 01 thẻ cào điện thoại, mạng Mobifone, mệnh giá 10.000 đồng nhằm mục đích quan sát nơi anh P cất thẻ cào và nhìn thấy anh P cất thẻ cào trong tủ trưng bày. T trả tiền thẻ cào rồi rời khỏi tiệm. Khoảng 15 phút sau, T quay trở lại tiệm tạp hóa PB thấy vợ anh P là chị Huỳnh Thị Thanh T đang đứng bán hàng. T vào hỏi mua 09 kg gạo, 03 chai dầu ăn, 03 chai nước tương, 1,5kg đường cát và yêu cầu chị Huỳnh Thị Thanh T chia ra làm 03 phần. Lợi dụng lúc chị Huỳnh Thị Thanh T bận lấy hàng hóa, không chú ý nên Trần Thanh T lén lút dùng tay đẩy nhẹ cánh cửa tủ chiếm đoạt 01 túi nylon bên trong có chứa 146 Card nạp tiền điện thoại (thẻ cào điện thoại di động) của nhiều nhà mạng với nhiều mệnh giá khác nhau, tổng giá trị 6.170.000đồng gồm:

- 37 thẻ cào Viettel trị giá 1.800.000 đồng, gồm: 03 thẻ 10.000 đồng, 16 thẻ 20.000 đồng, 11 thẻ 50.000 đồng, 05 thẻ 100.000đồng, 02 thẻ 200.000 đồng;

- 49 thẻ cào Mobifone trị giá 1.660.000 đồng, gồm: 11 thẻ 10.000 đồng, 20 thẻ 20.000 đồng, 13 thẻ 50.000 đồng, 05 thẻ 100.000 đồng;

- 42 thẻ cào Vinaphone trị giá 2.340.000 đồng, gồm: 08 thẻ 10.000 đồng, 13 thẻ 20.000 đồng, 10 thẻ 50.000 đồng, 07 thẻ 100.000 đồng, 04 thẻ 200.000 đồng;

- 18 thẻ cào Vietnamobile trị giá 370.000 đồng, gồm 08 thẻ 10.000 đồng, 07 thẻ 20.000 đồng, 03 thẻ 50.000 đồng.

Sau khi Trần Thanh T vừa rời khỏi tiệm chị Huỳnh Thị Thanh T phát hiện bị mất trộm tài sản như trên nên cùng anh P đuổi theo, đến khu vực tổ B, khóm C, phường D, thành phố E thì bắt giữ được Trần Thanh T cùng túi nylon chứa các thẻ cào rồi trình báo Công an Phường D, thành phố E đến lập biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày và thu giữ:

- 146 thẻ cào là tài sản T vừa trộm được tại tiệm tạp hóa PB.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen xám, bên trong gắn sim 0762.836.612 là điện thoại cá nhân của T, không liên quan đến việc phạm tội.

- 01 xe mô tô biển số 66P1-490.42.

- 01 thẻ cào Mobifone mệnh giá 10.000 đồng, đã sử dụng mà T mua tại tiệm tạp hóa PB.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 259/KL-HĐĐGTS ngày 10/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự, kết luận: 146 thẻ cáo điện thoại di động của nhiều nhà mạng và nhiều mệnh giá khác nhau có tổng giá trị là 6.170.000 đồng.

Ngày 07/11/2021, Cơ quan điều tra trả lại 146 thẻ cào cho chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Đoàn Hồng P. Chị Huỳnh Thị Thanh T đại diện chủ sơ hữu nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Đối với xe mô tô biển số 66P1-490.42 là tài sản của ông Dương Hoàng M cho T mượn nhưng không biết Thúy dùng làm phương tiện phạm tội nên không xem xét xử lý. Ngày 10/11/2021, Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô cho ông M, ông M nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen – xám, bên trong gắn sim 0762.836.612 và 01 thẻ cào Mobifone mệnh giá 10.000 đồng, đã sử dụng, không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo T. T nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Hai ngày sau khi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Lãnh khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Thanh T về tội trộm cắp tài sản thì T tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 04/11/2021, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Max, màu vàng, biển số 66M3-6325 của ông Nguyễn Văn L để đi chợ, ông L đồng ý. T điều khiển xe mô tô dọc các tuyến đường thuộc khu vực phường D, thành phố E. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T điều khiển xe đến trước cửa hàng tạp hóa HP tại số Số A1, tổ B1, khóm C1, phường D, thành phố E do bà Huỳnh Thị Thu B làm chủ. T quan sát bên trong không có người trông coi nên chạy xe lên vỉa hè phía trước cửa hàng, lén lút đi vào bên trong, đến bàn tính tiền T nhìn thấy chiếc điện thoại di

động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng của bà B đang để trên bàn nên dùng tay lấy giấu vào túi áo khoác đang mặc rồi nhanh chóng rời khỏi hiện trường.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, T mang chiếc điện thoại di động trộm được đến của hàng mua bán điện thoại di động "K", gặp chủ cửa hàng là anh Vũ Hồng N, nói dối là điện thoại của T do cần tiền nên bán. Anh N tin tưởng nên đồng ý mua lại với giá 1.000.000 đồng. Nhận được tiền, T lấy 110.000 đồng mua đồ, còn lại 890.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất tài sản bà B xem lại camera ghi hình thì biết được chiếc điện thoại bị kẻ gian vào lấy trộm nên đã đến Công an phường D trình báo. Công an phường D, thành phố E tiến hành truy tìm, mời T về trụ sở làm việc và T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung trên, đồng thời giao nộp số tiền 890.000 đồng bán tài sản trộm còn lại sau khi tiêu xài. Qua lời khai của T Công an đến gặp anh N thu hồi được chiếc điện thoại T đã trộm của bà B bán cho anh N. Đến ngày 10/01/2022, T giao nộp lại số tiền 110.000 đồng đã tiêu xài cho Cơ quan điều tra để bồi thường cho anh N.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 258/KL-HĐĐGTS ngày 10/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng có giá 3.500.000 đồng.

Ngày 17/11/2021, Cơ quan điều tra trả lại chiếc điện thoại Iphone 7 Plus màu vàng cho bà B và bà B nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Đối với anh Vũ Hồng N, không biết điện thoại T bán là do T trộm mà có nên không xem xét xử lý và ngày 10/01/2022, Cơ quan điều tra trả lại 1.000.000 đồng cho anh N. Anh N nhận lại tiền và không yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, lời khai của những người bị hại, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 13/CT-VKS-TPCL, ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Trần Thanh T, về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân nhân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T với mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng như cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, lời khai người bị hại, lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 10 giờ ngày 13/7/2021, tại tiệm tạp hóa PB thuộc tổ A, khóm B, phường C, thành phố D, Trần Thanh T lén lút trộm 01 túi nylon bên trong có chứa 146 thẻ cào điện thoại các loại với tổng giá trị 6.170.000 đồng của chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Đoàn Hồng P thì bị bắt quả tang. Đến 10 giờ ngày 04/11/2021, Trần Thanh T tiếp tục thực hiện hành vi lén lút trộm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus màu vàng của bà Huỳnh Thị Thu B tại tiệm tạp hóa HP, địa chỉ số A1, tổ B1, khóm C1, phường D, thành phố E, trị giá 3.500.000 đồng thì bị phát hiện xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với tội danh mà cáo trạng đã truy tố; bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

Bị cáo là người đã thành niên, đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác; chỉ vì mục đích vụ lợi bị cáo lợi dụng sự sơ hở, thiếu cảnh giác của chủ sở hữu, người quản lý và đã 02 lần lén lút trộm cắp tài sản của bị hại là chị Huỳnh Thị Thanh T, anh Đoàn Hồng P tổng giá trị 6.170.000 đồng và bà Huỳnh Thị Thu B là 3.500.000 đồng.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cho rằng bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Thanh T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến

dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có thời gian học tập, cải tạo, trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời, cũng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết:

- Tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên, tái phạm theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, đang nuôi con nhỏ có xác nhận của chính quyền địa phương; có bà ngoại là Phan Thị Thoại là Bà Mẹ Việt Nam anh hùng đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xem xét.

[5] Xử lý vật chứng:

- Đối với điện thoại hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng mà bị cáo T đã trộm của bà Huỳnh Thị Thu B, ngày 17/11/2021 Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà B đã nhận xong là phù hợp.

- Đối với 146 Card nạp tiền điện thoại (thẻ cào điện thoại di động) của nhiều nhà mạng và nhiều mệnh giá khác nhau mà bị cáo T đã trộm của chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Đoàn Hồng P, ngày 07/11/2021 Cơ quan điều tra trả lại cho chị Huỳnh Thị Thanh T và anh Đoàn Hồng P đã nhận xong là phù hợp.

- Đối với xe mô tô biển số 66P1-490.42 của ông Dương Hoàng M cho T mượn nhưng ông M không biết T sử dụng đi trộm cắp tài sản nên ngày 10/11/2021, Cơ quan điều tra trả lại cho ông M đã nhận xong là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen xám, bên trong gắn sim 0762.836.612 và 01 thẻ cào Mobifone mệnh giá 10.000 đồng đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của Trần Thanh T, không liên quan đến việc phạm tội, ngày 10/11/2021 Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo T đã nhận lại tài sản xong là phù hợp.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với Vũ Hồng N có hành vi tiêu thụ tài sản nhưng không biết tài sản do bị cáo T phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với Dương Hoàng M, Nguyễn Văn L cho bị cáo T mượn xe môtô nhưng

không biết bị cáo T sử dụng xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tại phiên tòa, như đã phân tích nêu trên là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Trần Thanh T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

- Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Thanh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Phạm Thanh Hiền

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPCL;
- CQTHAHS Công an TPCL;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ vụ án.